

PHÁP LUẬT THỪA KẾ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC BÀN LUẬN

Phùng Trung Tập*

Bộ luật Dân sự năm 2005 của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một Bộ luật lớn qui định về thừa kế di sản đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, chúng tôi thấy cần thiết bàn luận một số vấn đề trong chế định thừa kế, để thấy được những điểm còn bất cập trong Bộ luật với mong muốn khi Bộ luật được sửa đổi, bổ sung, thì các nhà làm luật sẽ sửa đổi, bổ sung những điểm còn bất cập để Bộ luật Dân sự của nước ta ngày một hoàn thiện hơn, điều chỉnh có hiệu quả quan hệ thừa kế di sản trong xã hội dân sự hiện đại, bảo vệ triệt để hơn nữa các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật thừa kế.

I. VỀ DI CHỨC CÓ ĐIỀU KIỆN

Theo qui định tại Điều 646 Bộ luật Dân sự, *“Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết”*.

Di chúc là giao dịch dân sự một bên, vì nội dung của di chúc thể hiện ý chí đơn phương của người có tài sản lập di chúc. Pháp luật có nên qui định di chúc có điều kiện không? Tại Điều 125 Bộ luật Dân sự qui định về giao dịch dân sự có điều kiện, tuy nhiên điều luật chỉ qui định về giao dịch đa phương – là hợp đồng, điều kiện do các bên thoả thuận. Còn di chúc chỉ là giao dịch một bên, đơn phương, nội dung của di chúc do người lập di chúc tự định đoạt, mà không có bất kỳ sự thoả thuận nào với chủ thể khác, do vậy điều kiện do chính người lập di chúc đưa ra có được chăng? Hiện nay, theo pháp luật thừa kế của nước ta, không có bất kỳ một qui định nào về di chúc có điều kiện, theo chúng tôi thì đây là một khiếm khuyết của pháp luật thừa kế đã không theo kịp các quan hệ xã hội phát sinh ngày một đa dạng

và phức tạp. Khi Bộ luật Dân sự được sửa đổi, bổ sung, các nhà lập pháp nên qui định hiệu lực của di chúc có điều kiện, nhằm khắc phục những khiếm khuyết của pháp luật thừa kế hiện nay ở nước ta. Những cơ sở để pháp luật thừa kế qui định bổ sung về di chúc có điều kiện được thể hiện ở những yếu tố sau đây:

Về chủ thể lập di chúc: Người lập di chúc chính là người tự định đoạt tài sản của mình cho người thừa kế sau khi người lập di chúc qua đời. Với tư cách là chủ sở hữu tài sản, người lập di chúc có quyền định đoạt tài sản của mình cho người thừa kế theo một điều kiện nhất định, miễn là điều kiện đó không trái với nguyên tắc chung của pháp luật, trái đạo đức xã hội. Người lập di chúc có thể nêu ra một sự kiện nhất định và sự kiện đó là điều kiện hưởng di sản của người thừa kế. Những sự kiện là điều kiện thừa kế di sản và khi sự kiện đó phát sinh hoặc được đáp ứng, thì quyền của người thừa kế được bảo đảm trong việc nhận di sản. Người lập di chúc có quyền đưa ra các điều kiện, khi điều kiện đó được đáp ứng, quyền hưởng di sản được thực hiện. Những sự kiện mà người lập di chúc đặt ra là điều kiện để người thừa kế hưởng di sản hoặc không được hưởng di sản. Việc đặt điều kiện của người lập di chúc được hiểu là quyền tự định đoạt ý chí của người lập di chúc, tương tự như quyền tự định đoạt khác, không thể không được pháp luật thừa nhận. Những sự kiện là điều kiện phổ biến thường phát sinh trong đời sống xã hội, nó hình thành như chính bản thân cuộc sống, không thể không thừa nhận. Di chúc có điều kiện bao gồm những điều kiện nào, pháp luật nên qui định về phạm vi, tính hợp pháp của điều kiện, để loại trừ những điều kiện trái pháp luật, trái đạo đức xã hội và coi đây như sự hạn chế quyền tự định đoạt ý chí của người lập di chúc có điều kiện.

* TS.Luật học, Đại học Luật Hà Nội

Về tính chất và phạm vi của di chúc có điều kiện: Những điều kiện hưởng di sản thừa kế do người lập di chúc xác định, khi người thừa kế đáp ứng được điều kiện đó là người được hưởng di sản. Ngược lại, nếu người được chỉ định thừa kế di sản có điều kiện không đáp ứng được điều kiện do người lập di chúc xác định, thì không có quyền hưởng di sản. Những điều kiện mà người lập di chúc xác định có nội dung không trái với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Những điều kiện đó tạo ra cơ hội cho người thừa kế được hưởng di sản, khi người này đáp ứng được các điều kiện mà người lập di chúc đặt ra. Người thừa kế thực hiện nghĩa vụ nhất định trong trường hợp này, cũng được coi như quyền tự do định đoạt ý chí của người đó, pháp luật không thể phủ nhận.

Nội dung của điều kiện: Di chúc có điều kiện được hiểu là một nghĩa vụ mà người thừa kế phải thực hiện trong phạm vi di sản được hưởng vì lợi ích chung hoặc riêng của chủ thể nhất định, trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc trọn đời, tuy nhiên có loại trừ những trường hợp bất khả kháng.

Với những định hướng có cơ sở trên, chúng tôi mong các nhà lập pháp quan tâm để khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự, thì những vấn đề gợi ý của chúng tôi sẽ được chú ý để có những qui định về di chúc có điều kiện.

II. VỀ DI CHỨC CHUNG CỦA VỢ CHỒNG

Về di chúc chung của vợ chồng được qui định tại các Điều 663, Điều 664 và Điều 668 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, xung quanh những qui định trên, còn nhiều vấn đề cần được bàn luận để thấy được những điểm không phù hợp của những qui định này trong đời sống xã hội hiện đại.

Về quyền lập chung di chúc của vợ chồng, Điều 663 qui định: *"Vợ, chồng có thể lập di chúc chung để định đoạt tài sản của mình"*.

Với tư cách là đồng sở hữu chung hợp nhất đối với tài sản, vợ và chồng có quyền định đoạt tài sản của mình bằng nhiều

phương thức, trong đó có quyền định đoạt tài sản của vợ, chồng bằng cách lập di chúc. Qui định tại Điều 663 Bộ luật Dân sự, xét về hình thức và nội dung hoàn toàn không có điều gì khác biệt so với những qui định về quyền và nghĩa vụ của các đồng sở hữu chủ đối với tài sản chung được qui định trong Bộ luật Dân sự. Là đồng sở hữu chủ đối với tài sản, vợ và chồng có quyền định đoạt tài sản chung bằng cách lập di chúc, qui định đó không cần bàn cãi thêm. Vấn đề chúng tôi quan tâm là qui định về hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng: *"Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết"*. Về hình thức của điều luật không có gì đáng bàn, nhưng nội dung của điều luật được áp dụng như thế nào trong thực tế của đời sống xã hội, thì còn nhiều vấn đề cần được bàn luận. Những vấn đề chúng tôi bàn luận từ nội dung của Điều 668 Bộ luật Dân sự là những vấn đề sau đây:

1) *Xét về hiệu lực của di chúc:* di chúc chỉ thi hành được kể từ thời điểm mở thừa kế, thời điểm người để lại di sản chết hoặc được xác định là đã chết theo một bản án tuyên bố người đó chết có hiệu lực pháp luật. Theo qui định tại Điều 668 Bộ luật Dân sự, dường như các nhà làm luật chỉ chú tâm vào thời điểm có hiệu lực của di chúc chung đó, mà không quan tâm đến tính hiện thực và nguyên tắc pháp luật thừa kế, đồng thời không có sự cá biệt hoá từng chủ thể là vợ hoặc chồng đã cùng lập di chúc chung.

Theo điều này, thì di chúc do vợ chồng lập chung chỉ có hiệu lực thi hành từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết. Trên thực tế, đối với một cặp vợ chồng cụ thể lập chung di chúc, nhưng sau đó hoặc là người vợ chết trước hoặc là người chồng chết trước (sự kiện phổ biến trong cuộc sống), vấn đề chia di sản của người chết trước đó là do những người có quyền thừa kế yêu cầu, khi họ đã không thể thoả thuận được và về mặt tâm lý, những người thừa kế theo di chúc cũng không thể đợi chờ lâu hơn, do việc hưởng di sản thời thức họ. Hơn nữa, người vợ hoặc người chồng

của người chết trước tuổi còn trẻ, theo qui luật của sự sống, người này có thể còn sống 5 năm, 10 năm, 20 năm..., thậm chí còn lâu hơn, với thời gian lâu như vậy, những người thừa kế theo di chúc có thể kiên trì chờ đợi được chăng? Câu trả lời thông thường là không hoặc khó đợi chờ?

2. *Về di sản thừa kế chưa chia*: Do hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng xác định từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết; vì vậy người vợ hoặc người chồng còn sống vẫn quản lý, sử dụng tài sản chung. Theo đó, người vợ hoặc người chồng còn sống vừa với tư cách là người sở hữu phần tài sản của mình, vừa với tư cách sử dụng tài sản của những người thừa kế theo di chúc, phần tài sản mà người thừa kế theo di chúc được hưởng nhưng chưa được chia. Một câu hỏi được đặt ra, hiệu lực của di chúc phát sinh từ thời điểm mở thừa kế của người để lại di sản, nhưng do người đó đã lập chung di chúc với vợ hoặc chồng của mình, mà hiệu lực chia tài sản thừa kế của người chết trước chưa thể thi hành. Qui định này không phù hợp với đời sống thực tế trong xã hội hiện đại. Vì di sản thừa kế không thể hiểu nó luôn tồn tại ở dạng tĩnh, mà di sản thừa kế phải được đặt trong mối liên hệ xã hội sản xuất, kinh doanh, được khai thác để phát sinh lợi nhuận. Trong chừng mực nhất định, di sản thừa kế chưa được chia, nó còn được hiểu như phần vốn có thể được dùng để sản xuất, kinh doanh. Theo qui định của pháp luật, di sản chỉ được chia sau khi người vợ hoặc người chồng là người sau cùng chết hoặc cả hai vợ chồng cùng chết vào một thời điểm. Trong thời gian người vợ hoặc người chồng còn sống đã sử dụng di sản chưa chia của người chồng hoặc của người vợ chết trước vào sản xuất, kinh doanh thu được những lợi nhuận, thì khoản lợi nhuận đó được hiểu là di sản thừa kế hay thuộc quyền sở hữu của người vợ hoặc người chồng còn sống? Đây là vấn đề cần được quan tâm, vì tính chất của di sản thừa kế không đơn thuần là một loại tài sản nhất định nào đó, mà di sản trước hết là tài sản gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo qui định tại Điều 163

Bộ luật Dân sự.

3. *Qui định tại Điều 668 Bộ luật Dân sự đã sa vào hoàn cảnh “tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa”*

Qui định tại Điều 668 Bộ luật Dân sự với mục đích củng cố sự bình ổn trong quan hệ xã hội, tránh chia đi sản nhiều lần và bảo đảm quyền sở hữu và quyền sử dụng di sản thừa kế của người vợ hoặc người chồng còn sống. Mục đích đó là thoả đáng, nhưng nếu pháp luật chỉ nhằm làm bình ổn một quan hệ cụ thể, mà không dự liệu những phức tạp có mối liên quan đến quyền và nghĩa vụ về tài sản hợp pháp của người khác, thì mục đích đó chỉ có ý nghĩa về lý thuyết, xa rời cuộc sống hiện thực. Với qui định không thực tế đó, đã gây khó khăn không nhỏ cho chính người quản lý di sản, cho người thừa kế theo di chúc, cho các chủ nợ và cho cả các cơ quan tư pháp.

- *Đối với người vợ hoặc người chồng còn sống quản lý di sản*: Những người thừa kế theo di chúc luôn luôn quan tâm đến khối di sản họ sẽ được hưởng theo di chúc của người chết trước. Không hẳn là không có sự nghi ngờ đối với lòng trung thực của người quản lý di sản. Nhưng nếu người chồng hoặc người vợ còn sống muốn chia di sản từ di chúc lập chung cũng không thể thực hiện được vì phải tuân theo qui định tại Điều 668 Bộ luật Dân sự.

- *Di sản thừa kế có thể bị chiếm đoạt trái pháp luật do hiệu lực của di chúc vợ, chồng lập chung*: Theo qui định tại Điều 668 Bộ luật Dân sự, việc chia di sản chỉ được tiến hành sau khi người sau cùng chết. Như vậy, khi người quản lý di sản còn sống, thì những người thừa kế theo di chúc không thể yêu cầu xác định khối tài sản của vợ, chồng người lập di chúc chung, đặc biệt là khối di sản của người chồng hoặc người vợ chết trước có bao nhiêu trong khối tài sản chung đó? Nếu người chồng hoặc người vợ khi còn sống đã lạm dụng qui định của pháp luật, không khai thác tài sản theo mục đích sinh lợi, mà tẩu tán tài sản vì những mục đích không trong sáng hoặc chi tiêu hoang phí làm hao tán tài sản chung, cho đến khi người

vợ hoặc người chồng là người chết sau cùng, tài sản còn lại rất ít hoặc không còn vào thời điểm mở thừa kế của người đó. Trong trường hợp này, di chúc hoặc phần của di chúc đã định đoạt cho người thừa kế hưởng phần tài sản nhất định đã không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế, phần di chúc đó vô hiệu, gây thiệt hại cho người thừa kế theo di chúc? Tuy rằng vào thời điểm người vợ hoặc chồng chết trước thì khối tài sản đó vẫn tồn tại? (Trước đó 5 năm, 10 năm, 20 năm).

- *Lợi ích của các chủ nợ sẽ bị xâm phạm:*

Theo qui định tại Điều 683 Bộ luật Dân sự, các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế được thanh toán trước khi chia di sản theo những thứ tự ưu tiên. Đặt trường hợp, khi còn sống, người chồng hoặc người vợ chết trước có nghĩa vụ về tài sản với người khác do có hành vi gây thiệt hại, do vay tài sản, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cá nhân..., thì quyền tài sản của các chủ nợ đó được giải quyết như thế nào, khi mà những người thừa kế chưa được hưởng di sản? Người chồng hoặc người vợ còn sống có nghĩa vụ thanh toán cho các chủ nợ từ tài sản của người chết để lại với tư cách của người thừa kế hay là người được uỷ nhiệm, pháp luật không qui định! Các khoản nợ của người chết để lại chỉ được thanh toán từ di sản thừa kế của người chết để lại, trong trường hợp này được xác định theo nguyên tắc nào?

Với những bất cập trên đây, theo chúng tôi thì Điều 668 Bộ luật Dân sự khi được sửa đổi, bổ sung các nhà lập pháp nên tham khảo qui định về di chúc chung của vợ, chồng đã được qui định tại Điều 671 Bộ luật Dân sự năm 1995, qua đó qui định về hiệu lực di chúc chung của vợ, chồng phù hợp hơn. Điều 671 Bộ luật Dân sự năm 1995 qui định hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng: *"Trong trường hợp vợ, chồng lập di chúc chung mà có một người chết trước, thì chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng có thoả thuận trong di chúc về thời điểm có hiệu lực của di chúc là thời điểm người sau cùng chết, thì di*

sản của vợ, chồng theo di chúc chung chỉ được phân chia từ thời điểm đó". Theo chúng tôi, những qui định tại hai Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 671 Bộ luật Dân sự năm 1995 về hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng đều chưa thật phù hợp, cho nên cần phải được sửa đổi. Hạn chế của Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2005, qui định hiệu lực di chúc chung của vợ chồng từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết (những bất cập của qui định này, đã được chúng tôi phân tích ở phần trên). Hạn chế của Điều 671 Bộ luật Dân sự năm 1995, ở chỗ: *"nếu vợ chồng có thoả thuận trong di chúc về thời điểm có hiệu lực của di chúc là thời điểm người sau cùng chết, thì di sản của vợ, chồng theo di chúc chung chỉ được phân chia từ thời điểm đó"*. Như vậy, qui định tại đoạn cuối Điều 671 Bộ luật Dân sự năm 1995 cũng không tránh khỏi những khó khăn trong việc duy trì di sản thừa kế chưa chia và có thể có những ảnh hưởng không tích cực đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ nợ, lợi ích của người thứ ba như đã được chúng tôi chỉ ra ở phần trên. Để tránh những rắc rối, về hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng, chúng tôi đề xuất, khi Bộ luật Dân sự được sửa đổi, bổ sung qui định về hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng thì các nhà lập pháp nên qui định trong điều luật thành 2 khoản, điều chỉnh các sự kiện khác nhau:

Khoản 1: *"Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực tại thời điểm vợ, chồng cùng chết"*.

Khoản 2: *"Trong trường hợp vợ, chồng lập di chúc chung mà có một người chết trước, thì chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật"*.

Qui định như vậy sẽ dễ giải quyết những tranh chấp liên quan đến việc hưởng di sản thừa kế của những người được thừa kế theo di chúc, đồng thời cũng tránh được những rắc rối không cần thiết như chúng tôi đã phân tích trên đây. Theo chúng tôi, Điều 668 Bộ luật Dân sự không phù hợp với thực tế, đã

qui định một vấn đề đơn giản thành phức tạp và còn có thể bị lạm dụng để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác trong xã hội.

Qui định như chúng tôi đề xuất sẽ làm sáng tỏ qui định tại Điều 664 Bộ luật Dân sự và theo đó việc áp dụng điều luật này để giải quyết những tranh chấp cụ thể sẽ rõ ràng hơn nhiều. Điều 664 qui định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung của vợ, chồng: *“1. Vợ, chồng có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung bất cứ lúc nào. 2. Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình”*.

Qui định trên không có gì là mới, vì theo đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự đương nhiên phải như vậy. Với tư cách đồng sở hữu chung hợp nhất tài sản, thì vợ và chồng có quyền định đoạt tài sản chung bằng cách lập chung di chúc. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ sự định đoạt chung đó bất cứ lúc nào, do vợ và chồng của người lập di chúc chung tự định đoạt, cũng là qui định phù hợp với đời sống xã hội. Tuy nhiên, đoạn cuối, khoản 2 Điều 664 Bộ luật Dân sự đã mở ra khả năng thừa nhận vợ, chồng có quyền lập di chúc riêng, khi người chồng hoặc người vợ lập di chúc chung cùng mình đã chết. Qui định này phù hợp với quan hệ xã hội về tài sản và có tính hiện đại, nhưng chưa dự liệu hết được những tình huống khác có thể phát sinh.

Thứ nhất, vợ, chồng cùng lập chung di chúc, nhưng sau đó tự chồng hoặc vợ lại lập di chúc riêng, mà chưa thoả thuận huỷ di chúc lập chung, thì di chúc do vợ hoặc chồng lập riêng đó có giá trị pháp lý không?

Thứ hai, nếu di chúc lập chung có nội dung trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, nhưng di chúc của vợ hoặc của chồng lập riêng lại không trái với qui định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, khi người vợ hoặc người chồng lập di chúc riêng đó chết, di chúc có hiệu lực thì hành không?

Những vấn đề đặt ra trên đây phải được pháp luật qui định rõ, với mục đích bảo vệ quyền không những của người lập di chúc, mà còn bảo vệ lợi ích của người thừa kế và người thứ ba có quyền, lợi ích liên quan đến di sản của người chết để lại. Khi Bộ luật Dân sự năm 2005 được sửa đổi, bổ sung các nhà lập pháp cũng nên xem xét những khía cạnh của luật thực định để qua đó xác định những qui định chưa thật phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội thời kỳ hội nhập và phát triển kinh tế đất nước, mạnh dạn sửa đổi điều luật cho phù hợp hơn. Có như vậy thì hiệu quả điều chỉnh của pháp luật dân sự nói chung và pháp luật thừa kế nói riêng mới đi vào cuộc sống, phù hợp với cuộc sống và được xã hội chấp nhận, chấp hành nghiêm chỉnh.

III. VỀ ĐIỀU 677 BỘ LUẬT DÂN SỰ

Về thừa kế thế vị theo qui định tại Điều 677 Bộ luật Dân sự cần phải được bàn thêm vì qui định như vậy nếu hiểu theo câu chữ thì thật tai hại và sự hiểu đó đã vô hình chung còn theo tư tưởng bảo thủ: *“Quyết làm, cam chịu”!*

Điều 677 Bộ luật Dân sự qui định: *“Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng đã chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống”*.

Nếu theo qui định trên, cháu hoặc chắt được thừa kế thế vị của ông, bà nội, ngoại hoặc của các cụ nội, ngoại với những điều kiện:

- Cha hoặc mẹ của cháu chết trước hoặc cùng một thời điểm với ông bà nội, ngoại;
- Cháu hoặc chắt chỉ được thừa kế thế vị hưởng di sản của ông, bà hoặc của các cụ phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu hoặc chắt được hưởng nếu còn sống.

Theo qui định tại Điều 677 Bộ luật Dân sự, thì điều kiện đầu tiên là phụ thuộc vào sự kiện pháp lý phát sinh một cách khách quan,

sự kiện cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất đã chết trước hoặc cùng thời điểm với ông bà, nội ngoại hoặc các cụ nội, ngoại là điều kiện để cháu được thừa kế thế vị. Nhưng Điều 677 còn qui định *cháu hoặc chất được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất được hưởng nếu còn sống!* Như vậy, qui định trên được hiểu theo câu chữ thì cháu hoặc chất không được hưởng thừa kế thế vị nếu cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất trong trường hợp còn sống cũng không có quyền hưởng do bị tước, cho dù điều kiện cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất đã chết trước hoặc cùng thời điểm với ông bà nội, ngoại hoặc các cụ nội, ngoại.

Qui định tại Điều 677 Bộ luật Dân sự đã phá vỡ tính thống nhất về nội dung của hệ thống pháp luật Việt Nam ở những điểm sau đây:

Thứ nhất, nội dung điều luật đã không có sự kế thừa bản chất của thừa kế di sản từ cổ chí kim với mục đích di sản của thế hệ trước được dịch chuyển cho thế hệ sau, trong trường hợp thế hệ trước qua đời. Mục đích thừa kế là nhằm bảo vệ khối di sản của thế hệ trước sau khi chết được để lại cho các con, các cháu có quan hệ huyết thống xuôi.

Các cháu hoặc các chất được hưởng thừa kế thế vị nhận di sản của ông, bà nội, ngoại hoặc của các cụ nội, ngoại là căn cứ vào sự kiện cha hoặc mẹ của cháu đã chết trước hoặc cùng chết vào một thời điểm với ông, bà, hoặc các cụ nội, ngoại. Đây là một qui định phù hợp với sự kiện pháp lý cháu được thừa kế thế vị và cũng đồng thời là điều kiện để chất được thừa kế thế vị. Như vậy, nếu còn qui định cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống, đã vô hình chung dẫn người khác hiểu và áp dụng pháp luật sẽ phạm sai lầm trong việc phân chia di sản thừa kế thế vị cho các cháu, trong trường hợp cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất khi còn sống đã bị kết án về một trong các hành vi theo qui định tại khoản 1 Điều 643 Bộ luật Dân sự, thì cháu hoặc chất không được thừa kế thế vị nhận di sản của ông, bà nội, ngoại hoặc của các cụ nội, ngoại?

Thứ hai, nếu hiểu Điều 677 Bộ luật Dân sự như đã trình bày trên đây là không phù hợp với bản chất pháp luật thừa kế nói chung và những qui định về thừa kế thế vị nói riêng. Bởi vì, theo qui định tại Điều 674 Bộ luật Dân sự, thì *"Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật qui định"*. Như vậy, thừa kế thế vị là trình tự nhận di sản khi có sự kiện con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng chết vào một thời điểm với người để lại di sản, thì cháu hoặc chất nội, ngoại của người đó được thừa kế thế vị. Thừa kế thế vị không thể hiểu là thừa kế theo pháp luật, mà được hiểu là trình tự hưởng di sản do pháp luật qui định. Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo điều kiện, trình tự hàng thừa kế và những người thừa kế trong cùng hàng nếu được hưởng di sản thì mỗi người được hưởng phần di sản ngang nhau, không phân biệt giới tính, độ tuổi, có năng lực hành vi dân sự hay không có năng lực hành vi dân sự, không phân biệt con đẻ với con nuôi, con trong giá thú với con ngoài giá thú, với điều kiện người thừa kế theo hàng phải là cá nhân còn sống vào thời điểm mở thừa kế của người để lại di sản và người đó có quyền hưởng di sản, không từ chối quyền hưởng di sản. Thừa kế thế vị không phải là thừa kế theo pháp luật, mà là thừa kế do pháp luật qui định và tất cả những người thừa kế thế vị chỉ được hưởng chung nhau phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu khi còn sống hưởng. Các cháu hoặc các chất của người để lại di sản hưởng thừa kế thế vị, không thể hiểu là thừa kế theo trình tự hàng vì nếu hiểu như vậy thì cháu hoặc chất của người để lại di sản đã hưởng ngang hàng với những người được nhận di sản theo pháp luật và mỗi người trong số họ cũng được hưởng phần di sản ngang bằng với những người thừa kế theo hàng được hưởng. Vì những lý do trên, điều kiện của cháu hoặc của chất được thừa kế thế vị hưởng di sản của ông, bà hoặc của các cụ trong trường hợp cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất đã chết trước hoặc cùng chết vào một thời điểm với ông, bà hoặc các cụ nội, ngoại. Hơn nữa, thừa kế theo pháp luật là một hình thức thừa kế, còn thừa

kế thế vị không phải là hình thức thừa kế, mà là một điều kiện để cháu hoặc chất của người để lại di sản thay thế vị trí của người bố hoặc người mẹ đã chết trước hoặc cùng chết vào một thời điểm với ông, bà nội, ngoại hoặc các cụ nội, ngoại, mà không phải là hình thức thừa kế!

Thứ ba, Bộ luật Dân sự qui định về việc tước quyền thừa kế của những người không được quyền hưởng di sản do đã có một trong các hành vi theo qui định tại khoản 1 Điều 643, là tước quyền hưởng di sản của người đã thực hiện một trong các hành vi đó và đã bị Toà án kết án bằng một bản án có hiệu lực pháp luật, thì không được quyền hưởng di sản thừa kế theo pháp luật. Nhưng những người bị kết án về hành vi theo qui định tại khoản 1 Điều 643 *“vẫn được hưởng di sản, nếu người để lại di sản đã biết hành vi của những người đó, nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc”*. Như vậy, theo qui định tại khoản 1 Điều 643 Bộ luật Dân sự chỉ được áp dụng đối với chính người thừa kế theo pháp luật trong hàng được hưởng di sản, mà hành vi trái pháp luật của họ đã bị kết án, thì người đó không được quyền hưởng di sản. Biết rằng, trách nhiệm hình sự chỉ được áp dụng đối với người có hành vi phạm tội, do vậy các cháu hoặc các chất của người để lại di sản không phải gánh chịu những hành vi độc lập của bố, mẹ trong quan hệ cụ thể này. Quyền thừa kế thế vị của các cháu hoặc các chất nội, ngoại không thể bị pháp luật tước bỏ khi mà giữa cha, mẹ và các con chịu trách nhiệm hình sự với tư cách cá nhân và hành vi của họ hoàn toàn độc lập nhau. Vì những căn cứ trên, nên hiểu Điều 677 Bộ luật Dân sự theo nguyên tắc chung của pháp luật thừa kế là: cháu nội, cháu ngoại hoặc chất nội, chất ngoại của người để lại di sản được thừa kế thế vị với điều kiện cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất chết trước hoặc cùng thời điểm với ông, bà nội, ngoại hoặc các cụ nội, ngoại, cho dù khi cha, mẹ, của cháu hoặc của chất khi còn sống đã bị kết án về một trong các hành vi theo qui định tại khoản 1 Điều 643 Bộ luật Dân sự. Có qui định như vậy mới đảm bảo sự thống nhất

của hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về thừa kế nói riêng. Tránh sự đồng nhất hành vi trái pháp luật của người thừa kế theo trình tự hàng với những qui định về thừa kế thế vị đối với các cháu hoặc các chất của người để lại di sản. Hành vi trái pháp luật của người là cha, là mẹ trong quan hệ thừa kế theo trình tự hàng với qui định về thừa kế thế vị của các cháu, các chất không thể đồng nhất với nhau. Nếu chỉ hiểu một cách máy móc là cha hoặc mẹ của cháu khi còn sống không có quyền hưởng di sản, thì cho dù cha hoặc mẹ của cháu hoặc của chất tuy có chết trước hoặc chết cùng thời điểm với ông, bà nội, ngoại hoặc các cụ nội, ngoại thì cháu cũng không được thừa kế thế vị là đã sa vào tình trạng *“quýt làm, cam chịu”*, trái với bản chất của pháp luật thừa kế hiện đại và trái với truyền thống, tập quán, quan niệm về thừa kế thế vị trong nhân dân.

Với những lý do trên, khi Bộ luật Dân sự năm 2005 của nước ta được sửa đổi, bổ sung thì các nhà lập pháp nên sửa đổi Điều 677 cho thật cụ thể để tránh sự hiểu lầm và áp dụng sai, xâm phạm đến quyền, lợi ích của người thừa kế thế vị, đồng thời cũng qua việc sửa đổi đó để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật nói chung và những qui định về thừa kế thế vị nói riêng. Theo chúng tôi, Điều 677 Bộ luật Dân sự chỉ nên bỏ cụm từ: *“thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống”* (đoạn 1) và cũng bỏ cụm từ tương tự tại đoạn 2 đối với chất. Theo ý kiến này, Điều 677 được sửa lại như sau: *Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu thay thế vị trí của cha hoặc mẹ hưởng di sản của ông, bà; nếu cháu cũng đã chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì chất thay thế vị trí của cha hoặc mẹ hưởng di sản của các cụ.*

Các cháu hoặc các chất được thừa kế thế vị không phụ thuộc vào trường hợp cha hoặc mẹ có bị kết án về một trong các hành vi được qui định tại khoản 1 Điều 643 Bộ luật này.